

Bản án số 44/2023/HS-ST
Ngày 31-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Dín và bà Lê Giang Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Mai Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T** (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 20/7/1992 tại **huyện B, tỉnh Lào Cai**; Nơi cư trú: **Thôn V, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai**; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): lớp 5/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Nguyễn Văn H** (đã chết) và bà **Hà Thị D** (đã chết). Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không;

Tiền án: Bị cáo có 02 tiền án:

Bản án số 201/2017/HSST ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt **Nguyễn Văn T** 02 năm về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 11/8/2019, **T** chấp hành xong án phạt trở về địa phương, **T** chưa thi hành khoản tiền phạt và án phí theo quyết định của bản án.

Bản án số 37/2019/HS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xử phạt **Nguyễn Văn T** 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 22/11/2022, **T** chấp hành xong án phạt trở về địa phương, đã thi hành xong tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Nguyễn Văn T chưa được xóa án tích đối với cả 02 bản án nêu trên.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu.

Bản án số 26/2013/HSST ngày 31/5/2013 của TAND huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xử phạt **Nguyễn Văn T** 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày

22/11/2013, Nguyễn Văn T chấp hành xong hình phạt tù và được xóa án tích theo quy định.

Quyết định số 32/2016/QĐ-TA ngày 21/3/2016 của TAND huyện Bảo Thắng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt đối với Nguyễn Văn T trong thời hạn 12 tháng. Ngày 19/01/2017 Nguyễn Văn T chấp hành xong quyết định và được xóa tiền sự theo quy định.

Bị cáo Nguyễn Văn T bị tạm giữ từ ngày 01/6/2023, tạm giam từ ngày 07/6/2023, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Bị hại:

1. Công ty Đ- Chi nhánh Tổng công ty Đ1.

Địa chỉ: Đại lộ T, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T1 - Chức vụ: Giám đốc Công ty Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trọng X – Chức vụ: Phó giám đốc Điện lực thành phố L.

Địa chỉ: Tổ A, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Công ty cổ phần D1.

Địa chỉ: Tầng E, Tòa nhà B, Khu đô thị M, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiên P - Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Cao C - Chức vụ: Phó giám đốc Ban điều hành Nội Bài - Lào Cai.

Địa chỉ: Ban Đ2 (xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai) – Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị M - Sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Thôn C, xã C, thành phố L, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền mua ma túy và chi tiêu cho bản thân, nên từ ngày 15/5/2023 đến ngày 29/5/2023, Nguyễn Văn T đã thực hiện 03 vụ trộm cắp dây cáp điện tại các trạm biến áp của công ty Đ và hệ thống dây điện chiếu sáng của Công ty cổ phần D1 thuộc địa bàn huyện B, tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 15/5/2023, Nguyễn Văn T mang theo 01 kìm cộng lực, 01 dao dọc giấy tự chế, 01 kìm loại nhỏ, 01 cờ lê, 01 bao tải màu vàng đi bộ từ nhà ở thôn V, xã X lên đường cao tốc N - Lào Cai. Tuyến đi khoảng 02 km thì rẽ xuống đường sắt, đến trạm biến áp X1 thuộc thôn G, xã X, huyện B. Sau đó, T trèo lên sàn thao tác của trạm biến áp, dùng hai tay cầm kìm cộng lực cắt 04 đầu dây cáp điện nối ở máy biến áp, rồi tiếp tục cắt 04 đầu dây cáp điện còn lại ở phía dưới. Sau khi cắt xong, T lúi những đoạn dây này xuống

đường bê tông cách trạm biến áp khoảng 3m và dùng dao dọc giấy rạch bỏ lớp vỏ cao su lấy lõi đồng bên trong. Tuyen cho lõi đồng vào trong bao tải mang về nhà. Đến khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày, T mang số dây đồng đã trộm cắp được đi bán cho Nguyễn Văn T2 được số tiền 1.200.000 đồng và đã tiêu sài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 14 giờ ngày 23/5/2023, T mang theo 01 con dao (loại dao dũa), 01 kìm nhỏ, rồi một mình đi bộ từ nhà lên đường cao tốc N - Lào Cai để trộm cắp dây điện của hệ thống đèn chiếu sáng đường cao tốc. T đi khoảng 01 km thì đến đoạn km 233 + 500m cao tốc N - Lào Cai thuộc địa phận thôn G, xã X, huyện B. Tuyen đến vị trí cột đèn chiếu sáng, dùng dao dũa đào xuống khoảng 25cm - 30cm thì thấy dây cáp điện, T dùng kìm cắt dây điện ở chân cột. Sau đó, T đi sang chân cột đèn bên cạnh cách khoảng 30m, tiếp tục dùng dao đào đất để lộ phần đầu dây điện còn lại rồi dùng kìm cắt đứt đầu dây này ra. Tiếp đó, T đào đất ở đoạn giữa của hai cột đèn vừa cắt dây, khi thấy dây điện lộ ra T dùng tay kéo dây điện ra khỏi ống nhựa màu vàng, T cắt làm đôi rồi kéo về nhà. Sau đó, T đốt hết phần vỏ bọc cao su lấy lõi đồng cho vào trong ba lô màu đen. Tuyen mang đến cửa hàng thu mua phế liệu của Tô Thế N bán được 1.400.000 đồng và đã chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 02 giờ ngày 29/5/2023, T mang theo 01 kìm cộng lực, 01 kìm nhỏ, đôi găng tay cao su màu trắng, dao dọc giấy tự chế, đôi ủng cao su màu đen, 01 túi vải màu đỏ, 01 ba lô màu đen, một mình đi bộ từ nhà lên đường cao tốc N - Lào Cai hướng về phía Hà Nội. Khi đi đến nút giao IC17, Tuyen rẽ ra đường Quốc lộ 4E theo hướng đi thị trấn P đến trạm biến áp X2 thuộc thôn G, xã X, huyện B. Tuyen trèo lên sàn thao tác của trạm biến áp, dùng kìm cộng lực cắt 04 đầu dây điện của máy biến áp, sau đó cắt các đầu dây còn lại rồi lôi 04 đoạn dây vừa cắt được xuống vườn ngô. Sau đó dùng dao dọc giấy róc lớp vỏ cao su lấy lõi đồng. Tuyen cho toàn bộ số dây đồng trộm cắp được vào trong túi vải màu đỏ mang về cất giấu ở cạnh nhà. Đến khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày, T mang số dây đồng này đến bán tại cửa hàng thu mua phế liệu của Nguyễn Thị M với giá 2.280.000 đồng và đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 07/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận:

10,5m dây cáp đồng loại Cu/XLPE/PVC 3*70+1*50 có giá trị 7.875.000 đồng; 06m dây cáp đồng loại Cu/XLPE/PVC 3*95+1*70 có giá trị 5.400.000 đồng; 29m dây cáp điện CADI-SUN 4c*10 có giá trị 4.060.000 đồng. Tổng cộng: 17.335.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 14/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm g Khoản 2 Điều 173, Điểm h, s Khoản 1 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 kìm bằng kim loại, 01 kìm cộng lực bằng kim loại màu, 01 mỏ lết bằng kim loại, 01 con dao cán bằng gỗ, 02 dao tự chế cán bằng tre khô, 01 đôi găng tay cao su, 01 ba lô, 01 đôi ủng bằng cao su;

Do bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản đã trộm cắp cho bị hại nên bị cáo được nhận lại 16,3 kg dây lõi đồng, tuy nhiên đề nghị tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo **Nguyễn Văn T** phải bồi thường cho **Công ty Đ** số tiền 13.275.000 đồng và bồi thường cho **Công ty Cổ phần D1** số tiền 4.060.000 đồng. Đề nghị tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp, đảm bảo việc điều tra, truy tố, xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Văn T** thừa nhận việc liên tiếp thực hiện 03 vụ “Trộm cắp tài sản” là dây cáp đồng của **công ty Đ** và dây cáp điện của **công ty cổ phần D1** có tổng giá trị tài sản 17.335.000 đồng. Bị cáo có 02 tiền án: Bản án số 201/2017/HSST ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt **Nguyễn Văn T** 02 năm về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và Bản án số 37/2019/HS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, xử phạt **Nguyễn Văn T** 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, áp dụng tình tiết “*tái phạm*”. Bị cáo chưa được xóa án tích đối với 02 bản án trên mà lại thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”, vì vậy lần phạm tội này, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung “*Tái phạm nguy hiểm*”. Kháng định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người đúng

tội, đúng pháp luật. Bị cáo **Nguyễn Văn T** là người có nhân thân xấu theo Bản án số 26/2013/HSST ngày 31/5/2013 của TAND huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai và Quyết định số 32/2016/QĐ-TA ngày 21/3/2016 của TAND huyện Bảo Thắng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt đối với **Nguyễn Văn T** như đã nêu trên.

Mặc dù nhiều lần bị Tòa án các cấp xét xử chưa được xóa án tích nhưng bị cáo **T** không rên luyện, tu dưỡng bản thân mà tiếp tục thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, mỗi vụ đều đủ cấu thành tội phạm vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm với tình tiết tăng nặng "*Phạm tội 02 lần trở lên*". Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy Hội đồng xét xử cũng cần có mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Liên quan đến vụ án còn có **Nguyễn Thị M** là người đã mua số dây đồng Tuyên trộm cắp được và **Tạ Thị H1** là người được **M** nhờ cân dây đồng và trả tiền cho **T**. Tuy nhiên, quá trình mua bán, cả **M** và **H1** đều không biết dây đồng này do **T** phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện B** không xử lý trách nhiệm đối với **Nguyễn Thị M** và **Tạ Thị H1** về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*". Đối với số tiền 2.280.000 đồng **Nguyễn Thị M** mua dây đồng của **T**, **M** không yêu cầu **T** trả lại và cho bị cáo số tiền này. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với **Nguyễn Văn T2** và **Tô Thế N** là những người mà **T** khai đã mua dây đồng vào các ngày 15/5/2023 và 23/5/2023. Quá trình điều tra, **T2** và **N** đều không thừa nhận việc đã mua dây đồng của **T**. Cơ quan CSĐT **Công an huyện B** không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm của **Nguyễn Văn T2** và **Tô Thế N** nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Phạm tội 02 lần trở lên.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thiết hại xảy ra không lớn. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho **Công ty Đ - Chi nhánh Tổng công ty Đ1** số tiền 13.275.000 và bồi thường cho **Công ty cổ phần D1** số tiền 4.060.000 đồng.

[5] Về vật chứng vụ án: Tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng 01 kim băng kim loại, 01 kim cộng lực bằng kim loại màu, 01 mỏ lết bằng kim loại, 01 con dao cán bằng gỗ, 02 dao tự chế cán bằng tre khô, 01 đôi găng tay cao su, 01 ba lô, 01 đôi ủng bằng cao su;

Do bị cáo phải bồi thường cho bị hại giá trị tài sản đã trộm cắp nên 16,3

kg lõi đồng trả cho bị cáo nhưng cần tuyên tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản riêng, là người nghiện ma túy nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo **Nguyễn Văn T** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều g Khoản 2 Điều 173; Điều h, s Khoản 1 Điều 51, Điều g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 01/6/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, 468, 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo **Nguyễn Văn T** phải bồi thường cho **Công ty Đ** - Chi nhánh **Tổng công ty Đ1** số tiền 13.275.000 và bồi thường cho **Công ty cổ phần D1** số tiền 4.060.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 kìm bằng kim loại dài 20,5cm có 02 cán kìm bọc nhựa cứng màu xám - cam ghi chữ “SUPER”; 01 kìm cộng lực bằng kim loại màu xanh - đen có tổng chiều dài 46cm, 02 tay cán kìm dài 34cm, mũi kìm hoen gỉ một phần, tại mỗi tay cán kìm bọc tròn quanh cán ni lông màu xanh dài lần lượt là 15,5cm và 19cm; 01 mỏ lết bằng kim loại dài 25cm, trên cán một mặt có dòng chữ nổi “FORGED STEEL”, mặt còn lại có dòng số, chữ nổi “10-250mm”, bề mặt mỏ lết bị hoen gỉ một phần; 01 con dao có tổng chiều dài 44cm, phần cán bằng gỗ dài 14,3cm, lưỡi dao bằng kim loại, dao cũ đã qua sử dụng; 01 dao tự chế tổng chiều dài 15,8cm, cán bằng tre khô, lưỡi dao bằng kim loại dài 10,5cm (loại lưỡi dao dọc giấy) được buộc cố định vào đầu cán bằng dây cao su màu đen; 01 con dao tự chế tổng chiều dài 19cm, cán bằng tre khô, lưỡi dao bằng kim loại dài 6cm (loại lưỡi dao dọc giấy) được buộc cố định vào đầu cán bằng dây cao su màu đen; 01 đôi găng tay cao su màu trắng - cam dài 31cm, bề mặt mỗi gang tay có in chữ màu đen “VTMANMNS”, tại mặt trong găng tay trái có 02 vết rách không định hình; 01 chiếc ba lô bằng vải màu đen kích thước (45x40) cm, ba lô có 04 ngăn đều có khóa kéo, mặt trước ba lô in hình màu trắng và dòng chữ màu trắng “DANIM” và “XINLUDA”, mặt sau có 02 dây đeo; 01 đôi ủng bằng cao su màu đen kích thước (36,5x29) cm;

T3 tạm giữ 16,3 kg dây lõi đồng đã bị cắt thành nhiều đoạn để đảm bảo thi hành án.

Toàn bộ vật chứng đã được bàn giao cho Chi cục thi hành án theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 14/8/2023

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo **Nguyễn Văn T** phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 866.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 1.066.750 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt các bị hại. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và các bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án;

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng;
- Công an huyện Bảo Thắng (2);
- PC (81); Sở tư pháp;
- Bị cáo; Bị hại (2);
- Thi hành án (2);
- Lưu HS, THS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

